

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1039/2024/DS-ST

Ngày: 20/9/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trà.

2. Ông Trần Văn Xê.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My, Thư ký Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 680/2023/TLST- DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 661/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 518/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH MTV M (Việt Nam); Địa chỉ trụ sở: 91 P, phường B, Quận Z, Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee J – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm Thành N theo Giấy ủy quyền ngày 20/8/2023.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P; Sinh năm: 1974; Địa chỉ thường trú: 184/32/6A L, phường T, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Công ty tài chính TNHH MTV M (Việt Nam) và bản tự khai của đại diện nguyên đơn tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Công ty tài chính TNHH MTV M (Việt Nam) có đại diện hợp pháp ông Nguyễn Phạm Thành N trình bày: Ngày 20/05/2022 Công ty tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số: 3093650 (gọi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Kim P với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng, lãi suất 44%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong HĐTD cho bà Nguyễn Thị Kim P, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Nguyễn Thị Kim P. Theo HĐTD, bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng với số tiền 2.028.759 đồng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 25/06/2022 đến ngày 25/05/2024 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay Nguyễn Thị Kim P chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 09 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 18.358.677 đồng (trong đó tổng gốc đã trả là 8.592.929 đồng, tổng lãi đã trả là 9.665.902 đồng và tổng phí đã trả là 99.846 đồng). Ngày 30/09/2022 đến nay bà Nguyễn Thị Kim P không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo HĐTD đã ký kết với Công ty.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Kim P biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Kim P vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng bà Nguyễn Thị Kim P vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty. Nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa Án giải quyết tuyên buộc bà Nguyễn Thị Kim P thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 20/9/2024 là: 44.679.555 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 23.387.071 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn): 7.485.781 đồng.
- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn): 13.002.899 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 803.804 đồng.

Diễn giải công thức tính lãi:

- Số tiền lãi trong hạn = Tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ;

- Số tiền lãi quá hạn = 150% x Lãi suất x Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày;

- Số tiền lãi chậm trả = 10% x Số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày.

Cách tính lãi trên được căn cứ tại Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, và Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim P phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 20/9/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P vắng mặt trong các buổi hoà giải và cũng không cung cấp bản tự khai, đơn trình bày ý kiến cho Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn có ông Nguyễn Phạm Thành N là người đại diện theo uỷ quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân theo quy định tại Điều 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào nội dung Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3093650 giữa Công ty tài chính TNHH MTV M (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty) và bà Nguyễn Thị Kim P, Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng và Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng cho thấy bà P có vay của Công ty tổng cộng số tiền 31.980.000 đồng. Quá trình vay vốn, bà P chỉ mới thanh toán cho Công ty số tiền 18.358.677 đồng, số tiền gốc còn lại và các khoản lãi và phí phát sinh bà P chưa thanh toán cho Công ty, mặc dù Công ty đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bà P vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay. Tạm tính đến ngày 20/9/2024 bà P còn nợ công ty tổng cộng là: 44.679.555 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 23.387.071 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn): 7.485.781 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn): 13.002.899 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 803.804 đồng.

Do bà P không thanh toán đầy đủ khoản nợ cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy,

việc Công ty khởi kiện buộc bà P phải trả số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 20/9/2024, tổng cộng là 44.679.555 đồng và tiền lãi, phí kể từ ngày 21/9/2024 cho đến khi bà Nguyễn Thị Kim P thanh toán xong nợ theo mức lãi suất và mức phí quy định trong hợp đồng là có cơ sở chấp nhận. Từ phân tích trên, căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa Công ty tài chính TNHH MTV M (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty) và bà Nguyễn Thị Kim P là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P có nơi cư trú tại 184/32/6A L, phường T, quận B, Thành phố H. Do đó vụ kiện thuộc thẩm giải quyết của Toà án nhân dân quận B theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Phạm Thành N (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có mặt và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P phải trả số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 20/9/2024 tổng cộng là 44.679.555 đồng (Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 23.387.071 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn): 7.485.781 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn): 13.002.899 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 803.804 đồng) và tiền lãi, phí kể từ ngày 21/9/2024 cho đến khi bà Nguyễn Thị Kim P thanh toán xong nợ theo mức lãi suất và mức phí quy định trong hợp đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Ngày 19/4/2022, bà Nguyễn Thị Kim P có ký Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 3093650 và được công ty chấp nhận. Ngày 20/5/2022, hai bên ký hợp đồng tín dụng số 3093650 để Công ty đã cho bà P vay số tiền 31.980.000đ (ba mươi một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng). Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Thị Kim P, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của Nguyễn Thị Kim P. Việc ký kết hợp đồng tín dụng này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010), Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và các văn bản pháp luật khác có liên quan, hai bên hoàn toàn tự nguyện giao kết hợp đồng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Căn cứ Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng trên, ngày 20/5/2022 Công ty đồng ý cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Kim P, chi tiết như sau: Số tiền vay: 31.980.000 (ba mươi một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) trong đó: Khoản vay: 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) và phí bảo hiểm: 1.980.000 (một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng). Kể từ ngày giải ngân 20/5/2022 đến ngày 08/3/2023 bà P đã thanh toán cho Công ty tổng số tiền nợ gốc, lãi và phí là 18.358.677 (mười tám triệu ba trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi bảy đồng). Bà P đã không tiếp tục thanh toán dư nợ đến hạn kỳ tháng 4 vào ngày 25/4/2022. Từ ngày 25/4/2022 đến nay bà P chưa thanh toán thêm bất kỳ số tiền nào cho Công ty.

Ngày 23/5/2023, Công ty phát hành Thông báo số 49164/2023/MAFC-TB yêu cầu bà P thanh toán nợ quá hạn nhưng bà P cũng không thực thực hiện. Nay, Công ty yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P trả ngay cho Công ty tài chính TNHH MTV M (Việt Nam) số tiền tạm tính đến ngày 20/9/2024 là 44.679.555 đồng (Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 23.387.071 đồng; lãi phát sinh trong hạn: 7.485.781 đồng; lãi quá hạn: 13.002.899 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 803.804 đồng) là phù hợp với khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”. Do bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán từ năm 2023 đến nay nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền gốc lãi và các loại phí ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là chính đáng, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, bị đơn phải tiếp tục trả trả lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh kể từ ngày 21/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký với Công ty tài chính TNHH MTV M (Việt Nam).

[5] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố H thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên Công ty tài chính TNHH MTV M (Việt Nam) không phải nộp án phí, hoàn trả cho Công ty toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị Kim P phải nộp án phí tính trên số tiền 44.679.555 đồng phải trả cho công ty, án phí được tính là: 2.233.978 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010 của Quốc Hội);

Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 25 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH MTV M (Việt Nam) đối với bà Nguyễn Thị Kim P.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim P phải trả cho Công ty tài chính TNHH MTV M (Việt Nam) số tiền tạm tính đến ngày 20/9/2024 là: 44.679.555 (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó: dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 23.387.071 (hai mươi ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi một đồng); lãi phát sinh trong hạn: 7.485.781 (bảy triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi một đồng); lãi quá hạn: 13.002.899 (mười ba triệu không trăm linh hai nghìn tám trăm chín mươi chín đồng); lãi chậm trả: 803.804 (tám trăm linh ba nghìn tám trăm linh bốn đồng); trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm tiếp tục trả lãi, phí phát sinh từ ngày 21/9/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 3093650 đã ký kết với Công ty tài chính TNHH MTV M (Việt Nam).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho Công ty tài chính TNHH MTV M (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí là 707.134 (bảy trăm linh bảy nghìn một trăm ba mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: AA/2023/0026939 ngày 22/11/2023 của

Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố H.

Bà Nguyễn Thị Kim P phải nộp 2.233.978 (hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh